

## TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

### Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

### Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

#### 2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để

đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(4)</sup>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.056.000.000 <sup>(6)</sup> VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành <sup>(7)</sup> tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự <sup>(10)</sup> : 01 Hợp đồng Kiểm định, thử tải cầu đường bộ, cấp IV trở lên. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu <sup>(11)</sup> : 343.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm	Mẫu số 05

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		<p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng.</li> <li>+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư (trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình).</li> <li>+ Tài liệu chứng minh giá trị thực hiện hoàn thành: Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Biên bản thanh lý hợp đồng (trong đó có thể hiện giá trị thực hiện hoàn thành) hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư (trong đó có thể hiện giá trị thực hiện hoàn thành).</li> <li>+ Tài liệu chứng minh loại và cấp công trình.</li> <li>+ Trường hợp nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải đảm bảo đúng theo Khoản 2, Điều 141 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ. Đồng thời, nhà thầu phụ thì phải có xác nhận của chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư.</li> </ul>			nhận)

**Kết luận:**

- Nhà thầu được đánh giá “Đạt” về năng lực tài chính và kinh nghiệm khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh như yêu cầu E-HSMT.
- Nhà thầu được đánh giá “Không đạt” về năng lực tài chính và kinh nghiệm khi không đáp ứng 01 trong các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên hoặc không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng như yêu cầu E-HSMT.

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp

này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

## 2.2 Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu

### a) Nhân sự chủ chốt

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chủ trì kiểm định	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật công trình giao thông hoặc xây dựng cầu đường hoặc xây dựng cầu đường bộ hoặc xây dựng cầu hầm.</li><li>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông cầu đường bộ hạng III trở lên (còn hiệu lực); hoặc đã tham gia thiết kế (hoặc thẩm tra thiết kế hoặc kiểm định) 03 công trình cầu đường bộ cấp III trở lên hoặc 05 công trình cầu đường bộ cấp IV.</li><li>- Đã làm chủ trì kiểm định (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu kiểm định, thử tải cầu đường bộ, cấp IV trở lên.</li></ul> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước</li></ul>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p><i>công dân (còn hiệu lực).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp, chứng chỉ (còn hiệu lực và có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></li> <li>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng.</i></li> <li>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư (trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình).</i></li> <li>+ <i>Tài liệu chứng minh loại và cấp công trình.</i></li> <li>+ <i>Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường và Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của chủ đầu tư, trong đó có tên nhân sự đề xuất hoặc Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định có tên nhân sự đề xuất].</i></li> </ul>
2	Cán bộ phụ trách kiểm tra, tính toán	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật công trình giao thông hoặc xây dựng cầu đường hoặc xây dựng cầu đường bộ hoặc xây dựng cầu hầm.</i></li> <li>- <i>Đã làm Cán bộ phụ trách kiểm tra, tính toán (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu kiểm định, thử tải cầu đường bộ.</i></li> </ul> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i></li> <li>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng</i></li> </ul>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				<p><i>thực bằng cấp (có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng.</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư (trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình).</i></p> <p>+ <i>Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của chủ đầu tư, trong đó có tên nhân sự đề xuất hoặc Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định có tên nhân sự đề xuất].</i></p>
3	Kiểm định viên	05 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	<p>- Có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành xây dựng công trình giao thông trở lên.</p> <p>- Đã tham gia kiểm định (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu kiểm định, thử tải cầu đường bộ.</p> <p><i>Tài liệu chứng minh:</i></p> <p>+ <i>Bản chụp hợp đồng lao động hoặc tài liệu chứng minh thuộc biên chế của nhà thầu (đối với trường hợp nhân sự thuộc quản lý của nhà thầu) hoặc tài liệu chứng minh có thể sẵn sàng huy động nhân sự cho gói thầu (đối với trường hợp nhân sự không thuộc quản lý của nhà thầu) và Căn cước công dân (còn hiệu lực).</i></p> <p>+ <i>Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực bằng cấp (có thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu, trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như: Bản chính hoặc bản sao được chứng thực Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học,...).</i></p>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
				+ Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. + Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định hoặc xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư (trong đó có thể hiện tiến độ và chất lượng công trình). + Tài liệu chứng minh đã tham gia thực hiện công trình [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của chủ đầu tư, trong đó có tên nhân sự đề xuất hoặc Biên bản nghiệm thu kết quả kiểm định có tên nhân sự đề xuất].

*Ghi chú: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu, các tài liệu chứng minh do nhà thầu cung cấp mà hết hiệu lực thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp cho lại Chủ đầu tư các tài liệu mới còn hiệu lực để đảm bảo tính chính xác trong công tác lựa chọn nhà thầu.*

**Kết luận:**

- Nhà thầu được đánh giá “Đạt” về nhân sự chủ chốt khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh như yêu cầu E-HSMT.
- Nhà thầu được đánh giá “Không đạt” về nhân sự chủ chốt khi không đáp ứng 01 trong các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên hoặc không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng như yêu cầu E-HSMT.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu có ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Ô tô, có khối lượng xe (hoặc xe và hàng hóa) là 22 tấn.	2
2	Thiết bị đo võng Indicator.	20

<b>STT</b>	<b>Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị</b>	<b>Số lượng tối thiểu cần có</b>
3	Máy đo biến dạng điện tử (máy đo ứng suất điện tử) hoặc thiết bị tương đương.	1
4	Máy đo dao động điện tử hoặc thiết bị tương đương.	1
5	Máy đo chiều dày lớp bê tông bảo vệ và đo đường kính cốt thép.	1
6	Súng (búa) bật nảy kiểm tra cường độ bê tông.	1
7	Máy siêu âm bê tông.	1
8	Máy toàn đạc hoặc máy thủy bình.	1
9	Máy vi tính	1
10	Máy in	1
11	Máy phát điện	1
12	Máy ảnh	1
13	Máy bộ đàm	5

*Tài liệu chứng minh: Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật và hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê (trường hợp nhà thầu đi thuê).*

*Trường hợp tài liệu chứng minh đính kèm không thể hiện được đặc điểm thiết bị như yêu cầu thì nhà thầu cần cung cấp bổ sung tài liệu hợp pháp thể hiện được đặc điểm thiết bị như yêu cầu.*

*Ghi chú: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu, các tài liệu chứng minh do nhà thầu cung cấp mà hết hiệu lực thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp cho lại Chủ đầu tư các tài liệu mới còn hiệu lực để đảm bảo tính chính xác trong công tác lựa chọn nhà thầu.*

#### **Kết luận:**

- Nhà thầu được đánh giá “Đạt” về thiết bị thi công khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên và cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh như yêu cầu E-HSMT.
- Nhà thầu được đánh giá “Không đạt” về thiết bị thi công khi không đáp ứng 01 trong các tiêu chuẩn chi tiết trong bảng nêu trên hoặc không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh hoặc có cung cấp nhưng không đáp ứng như yêu cầu E-HSMT.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Các tiêu chí đánh giá làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;

- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông;
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật như sau:

**1. Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ:**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1 Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng	Nhà thầu phải đáp ứng các điều kiện tương ứng tối thiểu hạng III theo quy định tại Điều 108 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. Trường hợp liên danh dự thầu, tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng điều kiện trên. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSĐT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
1.2 Phòng thí nghiệm chuyên ngành	Nhà thầu phải sử dụng phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các phép thử được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phù hợp với nội dung thực hiện kiểm định. Phòng thí nghiệm thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSĐT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

**2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc:**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tính chất và mục đích của công việc thuộc công trình.	Hiểu biết và nhận thức của nhà thầu đầy đủ về công trình (đặc điểm vị trí địa lý; hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông; quy mô, kỹ thuật, mục đích, yêu cầu của dịch vụ).	Đạt
	Không hiểu biết và nhận thức của nhà thầu đầy đủ về công trình (đặc điểm vị trí địa lý; hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông, quy mô, kỹ thuật, mục đích, yêu cầu của dịch vụ).	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

### 3. Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Kế hoạch cung cấp dịch vụ.	Có kế hoạch chi tiết, cụ thể thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ (bố trí và huy động nhân sự, phương tiện, thiết bị).	Đạt
	Không có kế hoạch hoặc đề xuất kế hoạch chưa chi tiết và cụ thể.	Không đạt
3.2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Có đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ: Khảo sát hiện trạng; Kiểm định, thử tải; Kiểm tra chất lượng; Công tác đảm bảo an toàn giao thông.	Đạt
	Đề xuất không đầy đủ hoặc không đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định công trình cầu đường bộ.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

### 4. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp bảo đảm chất lượng trong công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ: Phương án kiểm tra, kiểm soát chất lượng nội bộ.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật, biện pháp quá trình thực hiện dịch vụ.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

### 5. Mức độ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tiêu chuẩn áp dụng thực hiện dịch vụ.	Có đề xuất tiêu chuẩn áp dụng thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ đáp ứng theo các quy định hiện hành.	Đạt
	Nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không đáp ứng yêu cầu.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

**6. Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT:**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Thời gian thực hiện hợp đồng	Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng không vượt quá 30 ngày có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công (trong đó thời gian hiện thực tại hiện trường, công tác xử lý số liệu và lập báo cáo 27 ngày, thời gian lập hồ sơ nghiệm thu và thanh quyết toán A-B là 3 ngày)	Đạt
	Đề xuất về thời gian thực hiện hợp đồng vượt quá 30 ngày hoặc thời gian hiện thực tại hiện trường, công tác xử lý số liệu và lập báo cáo vượt quá 27 ngày hoặc thời gian lập hồ sơ nghiệm thu và thanh quyết toán A-B vượt quá 3 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

**7. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông:**

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1 Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Không đạt
7.2 Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Không đạt
7.3 Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định công trình cầu đường bộ.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Không đạt

7.4 Biện pháp an toàn giao thông hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Đạt
	Không có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông hoặc có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp thực hiện công tác kiểm định, thử tải công trình cầu đường bộ.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

**8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP**

<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trong đó thể hiện nhà thầu không vi phạm hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu (từ ngày 01/01/2022 đến nay) và Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản.  Trường hợp liên danh dự thầu, tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng điều kiện trên.	Đạt
	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nhà thầu bị vi phạm hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu (từ ngày 01/01/2022 đến nay) hoặc trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp bản cam kết theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
<b>Kết luận</b>	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

**Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.